

## MULTIDIMENSIONAL DIALOGUES IN NOVELS ON VIETNAMESE RURAL THEMES IN THE EARLY 21<sup>ST</sup> CENTURY

**Hoang Thi Kim Oanh<sup>a</sup>**

**Hoang Thi Thanh Binh<sup>b</sup>**

---

<sup>a</sup>Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [hoangthikimoanh@dvttd.edu.vn](mailto:hoangthikimoanh@dvttd.edu.vn)

<sup>b</sup>Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [hoangthithanhbinh@dvttd.edu.vn](mailto:hoangthithanhbinh@dvttd.edu.vn)

Received: 22/02/2023

Reviewed: 25/02/2023

Revised: 14/03/2023

Accepted: 24/05/2023

Released: 31/05/2023

*The renovation after 1986 has changed the literary life of Vietnam in terms of artistic thinking, views on morality, aesthetics, human life and writing style. The new reality of life with many complex and vivid changes has created a premise for novels written on Vietnamese rural themes in the early 21st century to increase dialogue. Characters can argue and respond to the writer and vice versa. Then, topics on the past, present, politics, philosophy, religion, culture, ethics... can be presented simultaneously in the same discussion, creating multi-faceted dialogues.*

**Key words:** Dialogue; Ovel; Rural area; Early 21st century.

---

### 1. Giới thiệu

Trong tác phẩm văn học, đối thoại là thuộc tính của bất kỳ hình thức biểu đạt, hệ thống ký hiệu nào mà nhà văn có thể tiếp nhận, quan sát được. Đối thoại trở thành lõi biểu đạt - cái biểu đạt, thành ký hiệu để nhà văn thể hiện cái được biểu đạt bên trong. Nhưng cũng từ đó, bản thân đối thoại cũng trở thành một tín hiệu, một “cái được biểu đạt” mang ý nghĩa về tính đa thanh, bản chất giao tiếp của đời sống. Việc tăng cường tính đối thoại bằng gia tăng sự luân phiên điểm nhìn tự sự, kiến tạo diễn ngôn đối thoại tạo nên tính đa thanh cho tiểu thuyết viết về nông thôn đầu thế kỷ XXI. Đó không chỉ là đối thoại giữa các nhân vật, giữa nhân vật với nhà văn, mà còn là đối thoại giữa nhân vật, nhà văn với bạn đọc. Nhờ vậy, các nhà văn đã dễ dàng lôi cuốn người đọc tham gia vào quá trình tranh biện, luận giải hiện thực. Tác giả không còn ở vị trí lấn lướt người đọc, “ép” người đọc theo khuôn hình câu chuyện được định sẵn, mà dành một khoảng trống rộng rãi cho người đọc liên tưởng, lựa chọn và tự xác định một thái độ phù hợp trước cuộc sống. Sự cố gắng này chứng tỏ tiểu thuyết viết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI đã bắt kịp xu thế phát triển của văn xuôi đương đại, khẳng định vị thế

của tiểu thuyết về đề tài nông thôn trong dòng chảy chung của văn học dân tộc. Bài viết nghiên cứu về những đối thoại đa chiều trong tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI cho thấy: qua những tình huống đối thoại, tiếng nói va chạm nhau giữa các nhân vật, giữa nhân vật với cuộc đời, các hệ tư tưởng, hệ giá trị, các mẫu hình, và với chính mình đã đưa người đọc vào tình huống phải suy nghiệm, phán xét một cách công tâm nhất, khách quan nhất về nông thôn và người nông dân Việt Nam.

## **2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

Đối thoại - giao tiếp được coi là nền tảng cơ bản của quan hệ người. Mọi vật tồn tại trong thế giới đều có nguyên do của nó. Vậy thì sự tồn tại đó đã hàm ẩn một nguyên lý đối thoại. Nói khác đi, tất cả mọi vật trong vũ trụ đều liên lạc với nhau theo một cách nào đó. Trong văn học nghệ thuật, đối thoại được hiểu không chỉ là sự đối đáp giữa hai chủ thể (cả với chính mình - một hình thức đối thoại đặc biệt, người nói tự “nói” với chính mình), mà còn có sự va đập giữa các tiếng nói, sự xung đột, tranh biện giữa ý thức tác giả và nhân vật (thông qua hình tượng người kể chuyện), giữa người kể chuyện và người nghe chuyện, giữa nhà văn và bạn đọc... Ở cấp độ ngoài văn bản, liên văn bản, đó còn là những đối thoại giữa các thời đại, các hệ giá trị, quá khứ và hiện tại, tư tưởng, lịch sử và văn hóa... M.Bakhtin đã nhận xét rất đích đáng rằng: “nhận thức bắt đầu ở đâu, đối thoại bắt đầu ở đó” [2; 34]. Ông cũng nhận ra mẫu mực của đối thoại với tính đa thanh/phức điệu. Nội hàm thuật ngữ được nhà nghiên cứu giải thích “*phức điệu là đa thanh ở độ phát triển cao nhất. Tính đa thanh trong văn chương là biểu hiện của nguyên tắc đối thoại*” [1; 11], là “tính nhiều tiếng nói và nhiều ý thức độc lập không hòa đồng với nhau” [1; 234] kêu gọi sự hồi đáp, tranh biện. Từ đây, M.Bakhtin nhận định: tiểu thuyết đa thanh luôn “mang tính đối thoại”. Đối với tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI, đối thoại trở thành động lực của lối viết, thành động cơ tư duy nghệ thuật của nhà văn.

## **3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

Để nghiên cứu vấn đề, tác giả bài viết đã sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp nghiên cứu như: (1) Phương pháp nghiên cứu lịch sử - xã hội bởi nông thôn trong văn học Việt Nam bị quy định bởi các yếu tố lịch sử, xã hội. Từ đó, chỉ ra những căn nguyên dẫn đến những đối thoại đa chiều trong các tác phẩm; (2) Phương pháp nghiên cứu liên ngành (văn hóa học, xã hội học, sinh thái học). Việc nghiên cứu tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI nhất thiết phải xem xét, tiếp cận từ góc độ văn hóa học, sinh thái/phê bình sinh thái và xã hội học. Hơn nữa, giữa văn hóa học và văn học, giữa xã hội học và văn học luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Lựa chọn nghiên cứu trên các bình diện này giúp chúng tôi phân tích, lý giải những đối thoại đa chiều trong các tác phẩm một cách khách quan, trung thực nhất. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các thao tác phân tích tác phẩm văn học. Việc vận dụng thao tác này giúp tác giả bài viết nắm bắt chiều sâu diễn biến tư tưởng, tâm lý nhân vật thông qua các lời thoại. Từ đó khái quát thông điệp cần chuyển tải của nhà văn qua tiểu thuyết về đề tài nông thôn Việt Nam đương đại.

## **4. Kết quả nghiên cứu**

### **4.1. Gia tăng sự luân phiên điểm nhìn tự sự như một hình thức đối thoại**

Điểm nhìn nghệ thuật có thể hiểu là vị trí, chỗ đứng để xem xét, miêu tả, bình giá sự vật, hiện tượng trong tác phẩm. Đối với tác phẩm tự sự, tương quan giữa nhà văn và chủ đề trần thuật hay giữa điểm nhìn của người trần thuật với những gì anh ta kể là điều đặc biệt quan trọng. Điểm nhìn được coi là vấn đề cơ bản, then chốt của kết cấu tác phẩm. Tuy nhiên, điểm nhìn tự sự lại gắn với quan điểm, lập trường của nhân vật và người kể chuyện. Do vậy, việc tổ chức điểm nhìn tự sự bằng cách đặt nhân vật, sự việc dưới nhiều góc nhìn (thậm chí đối lập) sẽ tạo nên tính đa âm, đa sắc thái của tác phẩm, qua đó giúp nhà văn chuyển tải nguyên lý đối thoại. Các tác phẩm *Ma làng* (Trịnh Thanh Phong), *Dòng sông Mía* (Đào Thắng), *Dưới chín tầng trời* (Dương Hương), *Cuồng phong* (Nguyễn Phan Hách), *Thời của thánh thần* (Hoàng Minh Tường), *Thần thánh và bướm bướm* (Đỗ Minh Tuấn), *Bí thư tỉnh ủy* (Vân Thảo), *Cổng làng* (Nguyễn Thanh Cải)... đều có sự gia tăng luân phiên giữa điểm nhìn bên trong và điểm nhìn bên ngoài. Nhà văn đã trao quyền phán xét cho nhân vật về người khác và chính mình tạo nên những đối thoại hàm ẩn giữa tác giả, người kể chuyện, nhân vật và độc giả. Từ đây, những vấn đề của quá khứ và hiện tại, những chiêm nghiệm về hiện thực cuộc sống được soi ngấm đa diện, nhiều chiều và đa thanh hơn.

Tính đa thanh thể hiện trước hết qua đối thoại giữa hiện tại và quá khứ dưới nhãn quan lịch sử. Có thể xem cội nguồn của tính đối thoại trong tiểu thuyết là đối thoại về tư tưởng, quan niệm. Ở đây, nhà văn không tự thể hiện quan điểm, tiếng nói của mình, mà để cho rất nhiều nhân vật cùng cất lời. Đó có thể là quan niệm, cái nhìn về những câu chuyện thế sự, những quy luật thịnh suy, những khát vọng hay tham vọng, những thủ đoạn và kế sách, những lựa chọn của con người trong guồng quay của thời thế, của lịch sử... Các tiếng nói, các quan niệm có thể va chạm, phản biện, bổ sung hoặc soi sáng nhau tạo nên nhiều cuộc đối thoại phong phú, hấp dẫn. Có một “thời” được nhiều nhân vật trong tiểu thuyết *Dưới chín tầng trời* nhắc đến, mỗi người xác định nó một cách, nhưng mọi người đều thừa nhận sức ép khủng khiếp của nó đối với vận mệnh con người. Cái “thời” ấy là “thời” nào nhà văn không định danh cụ thể. Chỉ biết nó đã tác động lên mọi mặt đời sống của người nông dân Việt Nam, thậm chí là thay đổi vận mệnh cuộc đời họ. Trở về làng sau bao năm phiêu bạt, Mây góp cho xã một khoản tiền lớn được hoan hô nhiệt liệt. Trong đám đông liền có lời dèm pha: “Sao bảo có thời nhà nó cũng khốn khó lắm. Nghe nói mấy chị em nó phải đi làm gái bao” [6; 465]. Lập tức có lời biện bạch: “Cái thời ấy cả nước khốn khó đâu riêng nhà nó”. Để bào chữa cho Trần Tăng, Tuyết cho rằng: “những lỗi lầm to lớn của ông, những trò ma mãnh của ông, những mưu mô toan tính quyền lực của ông cũng chỉ là tai nạn của thời đại mà thôi” [6; 367]. Sức áp đảo ghê gớm của thời cuộc cũng được một người trong đám đông “tố” lên trong bữa tiệc sau buổi gặp mặt đồng hương của làng Đoài: “... đã sinh ra trên cõi đời này chẳng thằng nào muốn xấu, chẳng qua là thời cuộc khốn cùng nó dồn đẩy làm con người ta cứ hèn đi” [6; 467]. Cái “thời” khốn khó ấy, cái “thời cuộc” khốn cùng ấy đã được Dương Hương đặt vào những cuộc đối thoại giữa các nhân vật từ kẻ vô danh trong đám đông đến những người đứng ở hàng ngũ lãnh đạo cấp cao trong bộ máy chính quyền... để thấy sự ảnh hưởng nghiêm trọng của “thời” ấy để lại. Hình thức đối thoại thông qua sự di động điểm nhìn và luân phiên lượt lời ở các nhân vật đã tạo nên những cuộc tranh biện về lịch sử, về số phận con người trong

biến động của thời cuộc. Việc tác giả “ẩn mình” để các nhân vật đối thoại, tranh luận giữa quá khứ và hiện tại đã giải phóng người đọc khỏi cái nhìn một chiều, sơ lược trong nhận diện bức tranh thời cuộc. Nó buộc người đọc phải suy ngẫm, chiêm nghiệm để có cái nhìn khách quan và tiệp cận hơn với lịch sử khi nhận thức, đánh giá lại quá khứ trong tương quan với hiện tại.

Trong tiểu thuyết về đề tài nông thôn Việt Nam đầu thế kỷ XXI, đối thoại lịch sử không chỉ dừng lại ở sự nhận thức, đánh giá lại quá khứ trong tương quan với hiện tại, đó còn là những chiêm nghiệm về hiện thực cuộc sống được thể hiện qua các cuộc trò chuyện, tranh luận, đối thoại thế hệ, cái cũ và cái mới, không phải chỉ để nhận diện bức tranh thời cuộc mà còn là con đường đi, sự lựa chọn đúng đắn của mỗi con người, của cả dân tộc. Ở *Ma làng* (Trịnh Thanh Phong), nhà văn đặt hai cha con vào các cuộc đối thoại quyết liệt trong cách nhận thức một hướng đi và lựa chọn cách sống, cách cống hiến cho lí tưởng và trách nhiệm trước thời cuộc: “Bao nhiêu năm cái làng này nhếch nhác, lục đục đâu phải tội những người như cô Ló gây ra. Cái lỗi lớn nhất là sự bất minh trong những người có quyền, có chức... giả mù, giả lòa, cốt để giữ trọn cái danh của mình.” [8; 72]. Đó không còn là cuộc đối thoại giữa hai cha con trong một gia đình, mà là đối thoại giữa hai thế hệ, giữa cái cũ và cái mới trong tư duy, nhận thức và chiêm nghiệm về hiện thực, về con đường đi, về chiến lược sống của người nông dân trong thời hiện đại. Ở *Thần thánh và bươm bươm*, chứng kiến đứa con quái thai của đồng đội cũ chỉ ngủ khi được ngửi hoa bưởi tươi, trong khi cây bưởi thiêng lại đang là vật cản trở dự án sân golf, Thao đã cay đắng thốt lên: “Người ta gắn bó với thực tại, chống chọi với mọi thách đố để bảo vệ thực tại, siết chặt bên nhau để lôi cuốn cả cộng đồng vào bảo vệ một thực thể quái gở và đong đánh chỉ vì một tình thương. Cái tình thương sâu sắc, bền bỉ và nhiều khi phi lí đó lại là động lực hành động chiến đấu hi sinh của cả cộng đồng người” [10; 201]. Lời của Thao chứa những khát vọng về danh dự và diện mạo, những dằn vặt, giằng xé trong tâm hồn những người nông dân thời hội nhập - họ vừa muốn ủng hộ các dự án khai thác tài nguyên để đổi đời, vừa day dứt muốn làm người tử tế với nguyên vẹn đất đai và nhân phẩm. Trong *Bí thư tỉnh ủy*, có rất nhiều cuộc đối thoại giữa bí thư Kim với cấp trên về việc tìm ra cách thức làm ăn phù hợp cho người nông dân khi mô hình hợp tác xã không còn phù hợp: “Một tổ chức rời rạc, hình thức như vậy chỉ mang lại sự đói nghèo cho nông dân. Làm bằng hoại truyền thống tối lửa tắt đèn có nhau đã có bao đời nay. Nói thẳng ra là quyền làm chủ mà thực chất là quyền làm người bị xâm phạm nghiêm trọng” [11; 196]. Ở đây, người đọc không còn phân biệt được đâu là điểm nhìn của nhân vật, đâu là điểm nhìn của tác giả. Sự luân phiên điểm nhìn tự sự đã tạo nên những đối thoại sâu sắc về lịch sử, về thời đại và hiện thực cuộc sống.

Bằng việc gia tăng sự luân phiên điểm nhìn tự sự, các nhà văn viết về nông thôn Việt Nam đầu thế kỷ XXI đã phản chiếu cái nhìn xuyên thời gian vào từng lời thoại cụ thể của nhân vật. Ở đây, mối quan hệ giữa cá nhân và lịch sử chính là một phương diện giúp người đọc tìm ra dấu ấn lịch sử trong con người. Con người làm ra lịch sử nhưng cũng có thể là nạn nhân của lịch sử, bị lịch sử quy định. Lịch sử hiện hữu trong mỗi con người và số phận mỗi cá nhân. Bàn về chân lý lịch sử, Lukács Gyorgy đã nhấn mạnh một cách khá thú vị rằng: sự thể

hiện lịch sử trong nghệ thuật là “đánh thức cái tiền đề của hiện tại” [4; 59]. Đối thoại giữa quá khứ và hiện tại vì vậy được coi là lời đối thoại siêu thời gian - một siêu đối thoại.

#### 4.2. Kiến tạo diễn ngôn đối thoại của nhân vật

Nhà văn sáng tạo ra nhân vật, nhưng khi các nhân vật đã tồn tại và hoạt động trong một cấu trúc nghệ thuật thì chúng phát triển theo một quy luật riêng và trở thành những thực thể độc lập. Tính độc lập tạo cho mỗi quan hệ này khả năng giao lưu, đối thoại với nhau. Một điểm rất dễ nhận thấy trong diễn ngôn đối thoại tạo nên tính đa thanh của tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI là sự va chạm giữa các luồng ý thức, quan niệm trong ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật.

##### 4.2.1. Đối thoại giữa truyền thống và hiện đại

Đối thoại giữa truyền thống và hiện đại trong tiểu thuyết viết về nông thôn đầu thế kỷ XXI thể hiện trước hết là luồng ý thức, quan niệm về *truyền thống và hiện đại*. Các tác phẩm *Ma làng, Cổng làng, Người giữ đình làng, Thần thánh và bươm bướm...* là cuộc đối thoại về sự truy tìm, luận giải những thành tố kết tinh văn hóa và bản sắc dân tộc trong tâm thế hiện đại, hậu hiện đại; là cuộc đối thoại về cái cũ và cái mới, cái cần bảo lưu và cái cần thay đổi, giữa bản địa và ngoại lai... Ở *Cổng làng*, biểu tượng cái cổng làng - nơi lưu giữ hồn quê đứng trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn sau rất nhiều bản khoản đã phải dỡ bỏ. Bởi vì nếu “Cái gì cũng có tính lịch sử của nó” [3; 341]. Đến *Thần thánh và bươm bướm*, tác phẩm có thể xem là một cuộc đối thoại lớn về truyền thống và hiện đại giữa các thế hệ từ trong nội bộ mỗi gia đình ra đến ngoài xã hội. Ngay từ những trang đầu, nhà văn đã đặt ra đối thoại thế hệ giữa “lớp trẻ” làng Bái Hạ và “lớp già” làng Bái Thượng trong việc tế lễ cây gạo. Trong khi “lớp trẻ” yêu cầu các cụ tế phải thực hiện đúng hợp đồng, phải rèn tác phong công nghiệp văn minh, phải có đầu óc pháp luật tân tiến nếu “cứ ôm mãi cái lệ làng thì, xin lỗi các cụ chứ, chỉ suốt đời làm cái anh Lý Toét, Xã Xệ...” [10; 12]; thì “lớp già” lại hùng hổ “Thanh niên bây giờ hồng hết, chỉ biết tiền nong thuê mướn, không có nền nếp, không biết trọng cái truyền thống” [10; 12]. Cuộc đối thoại đã hé mở phần nào xung đột trong cách nghĩ về cái cũ và cái mới, truyền thống và hiện đại giữa các thế hệ ở nông thôn. Cuộc đối thoại giữa hai cha con ông Cảnh và thằng Giác đã chuyển sang đối đầu nhằm loại bỏ, thậm chí hủy diệt truyền thống qua hành động đập vỡ bát hương tổ tiên của thằng Giác. Đối thoại truyền thống và hiện đại lên đỉnh điểm khi xảy ra xung đột giữa “đám đông” hai làng Đông Phúc và Tây Lợi quanh việc giữ cây bưởi thiêng, ngôi đình và ngôi đền trước dự án sân golf, bán bỏ hung và bươm bướm. Các cụ già làng Đông Phúc nhất mực giữ lấy trong khi đám thanh niên làng Tây Lợi đã kịch liệt phản đối các cụ nhà quê bám riết vào những niềm tin chúng cho là nhảm nhí trước cơ hội để đổi đời, được hưởng thụ. Cuối cùng, cây gạo cũng bị tróc rễ tặng cho ông chủ Hàn Quốc thay bằng mỏ khai thác quặng; bát hương đã bị thằng Giác đập vỡ, cả cây bưởi thiêng cũng bị “đám trẻ” làng Tây Lợi gài mìn nổ tung. Dường như có một sự đứt gãy, đoạn tuyệt tận cùng với truyền thống. Nhà văn không để nhân vật dừng lại ở đối thoại bằng lời nói mà đẩy thành hành động cụ thể, gợi mở những đối thoại bên ngoài tác phẩm. Ngôn ngữ đối thoại trong *Thần thánh và bươm bướm* đa thanh, đa chiều, đa diện. Nó không đơn thuần là đối thoại giữa các nhân vật, giữa nhà văn với độc giả mà còn là đối thoại giữa

các thể hệ độc giả về mối nguy cơ “tồn tại hay không tồn tại” của những giá trị văn hóa truyền thống nông thôn trước kinh tế thị trường. Đỗ Minh Tuấn đã khéo léo để người đọc nhận ra những khó khăn trong lựa chọn lối sống của người dân nông thôn trước sự đô thị hóa ồ ạt. Không dễ nhập cái mới vào nông thôn khi nền tảng truyền thống với đầy đủ mặt ưu điểm/hạn chế đã hằn sâu trong nếp nghĩ người nông dân. Nhưng cái được coi là hiện đại mà quá xa lạ với truyền thống cũng không dễ gì được thẩm thấu dẫn đến sự hỗn dung, xung đột về văn hóa. Nó buộc mỗi chúng ta cần phải suy ngẫm nghiêm túc về bài học hội nhập văn hóa nông thôn hiện nay.

#### 4.2.2. Đối thoại về nhận thức các giá trị đạo đức xã hội và đạo đức gia đình

Tính đa thanh của tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI còn thể hiện ở những đối thoại về nhận thức các giá trị đạo đức xã hội và đạo đức gia đình. Có những đối thoại ghim vào lòng người đọc nhiều suy ngẫm về sự tốt - xấu, đúng - sai ở đời. Chẳng hạn, trong cảnh xã Quyết Thắng (*Dưới chín tầng trời*) tổ chức quyên góp, nghe tiếng loa xướng danh những nữ thương gia hảo tâm thì trong đám đông có những lời qua tiếng lại:

- Làng mình thế mà oai thật. Toàn những người tài giỏi.

- Giỏi đánh đĩ thì có, mụ Còn thì thâm vào tai cô Lùn...

- Con mụ này rõ bạc, nó đánh đĩ nhưng có lòng, chả hơn cả đời chả ai moi được ở mụ một xu...

- Tao nghèo nhưng trong sạch [6; 466]

Phải đánh giá thế nào đây khi “đánh đĩ nhưng có lòng” và “trong sạch nhưng chả ai moi được một xu”? Một mẫu đối thoại nhỏ nhưng hàm chứa vấn đề không hề nhỏ về đạo đức xã hội qua lời phán của một người trong đám đông: những kẻ luôn lên giọng cao đạo nhưng lại vô tích sự, còn những người mà ta cho là xấu xa, hèn mọn hóa ra lại làm nên chuyện. Phải chăng, đời sống hệ tư tưởng của chúng ta không đơn giản ở việc tốt - xấu hay đúng - sai mà còn ở “có lòng” hay “không có lòng”? Nó là một đối thoại không dễ trả lời mà tác phẩm gợi dẫn, bởi “Một lời phát biểu sống động, nảy sinh một cách có ý thức trong một thời điểm lịch sử nhất định và trong một môi trường xã hội nhất định, không thể không đụng chạm đến hàng ngàn mối dây đối thoại...” [1; 104].

Điều đáng chú ý trong tiểu thuyết viết về đề tài nông thôn Việt Nam đầu thế kỷ XXI là đối thoại về đạo đức gia đình, là quan niệm về mối quan hệ vợ chồng, về chung thủy, tiết hạnh. Không đặt tiêu chí rõ ràng đúng sai, mỗi nhà văn để người đọc tự phân định thông qua đối thoại của nhân vật. Ở đây, những lệch chuẩn của nhu cầu bản ngã của cá nhân trong quan hệ với đạo đức gia đình được xem xét như các hệ giá trị, liên quan đến quyền sống, quyền hạnh phúc và những khát vọng đẹp đẽ của con người. Những người đàn bà tiết hạnh như bà Mến, chị cả Thuần (*Dòng sông Mía*), Duyên (*Ngư phủ*) cũng bị lôi kéo vào vòng đam mê lạc thú. Một ông chủ tịch tỉnh liêm khiết Trần Sinh (*Gia phá của đất*) cũng lợi dụng hoàn cảnh éo le để chiếm đoạt thân xác người tình của cấp dưới... Lời đối thoại của bà Mến (khi đó đã chết) với bà Cả Thuần như một lời bào chữa cho linh hồn những người đàn bà góa từng trót lỡ “chệch chuẩn” với khung đạo đức tiết hạnh: “Người ta khoác lên áo chùng đạo đức để che bai tôi với bà. Họ không thấy Chúa Trời trao cho người đàn bà thiên chức đẻ ra những đứa con để

duy trì nòi giống” [13; 486]. Nó là phần khuất lấp trong mỗi con người vẫn thường bị che đậy bằng “chiếc áo chùng đạo đức” mà một chủ tịch tỉnh như Trần Sinh phải luôn cố gò mình cho khít và chỉ dám bộc lộ trong từng trang nhật ký dành riêng cho người tình: “Tôi vẫn ngàn lần cảm ơn em, vì em đã cho tôi biết thế nào là tình yêu..., dứt tôi ra khỏi những khuôn mẫu khô cứng, tù túng, giả dối...” [12; 563]. Phải chăng đằng sau cái bề ngoài thông dâm, ngoại tình, loạn luân... xã hội vẫn kịch liệt lên án kia là cả thế giới nội tâm sâu kín đầy ẩn ức trong mỗi con người không dễ gì lý giải được? Ở đâu đó những người đàn bà góa, những người đàn bà chính chuyên, những người đàn ông đức cao vọng trọng (hay bất cứ ai) vẫn đang tự dày ả mình để đấu tranh giữa những khát khao bản năng cá nhân với những chuẩn mực đạo đức gia đình, xã hội. Nó tựa sự vật lộn giữa thần thánh và quỷ sứ, giữa đạo lý và dục vọng trong mỗi con người.

Mỗi nhà văn đều luận bàn về những chuẩn mực theo cách riêng của mình. Không hẳn xác quyết, đồng tình nhưng cũng không hề bác bỏ tựa nổi bản khoãn, trăn trở thực tại cuộc sống có quá nhiều hỗn độn. Đó là đối thoại gợi mở của tiểu thuyết viết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI gọi mời những hồi đáp. Những hoài nghi, những suy tư, trăn trở đặt ra đòi hỏi bạn đọc tiếp tục hành trình đối thoại, chiêm nghiệm. Hành vi tái nhận thức các giá trị đạo đức giúp con người có dịp soi chiếu, hướng đến những giá trị tốt đẹp hơn. Vượt qua các quy chuẩn, trước thực tại, những giá trị tưởng như đã đông cứng nhưng vẫn chưa thể hoàn kết, vẫn còn những góc khuất để con người cần xét lại và thấu thị với nhau. Nó cũng là một trong những đặc điểm của tư duy và lối viết tiểu thuyết hậu hiện đại.

#### 4.2.2. Đối thoại giữa nông dân và thị dân

Trong tác phẩm văn học, đối thoại không cứ phải được biểu hiện qua các cuộc tranh luận, biện giải bởi “các quan hệ đối thoại là một hiện tượng rộng lớn hơn rất nhiều so với quan hệ của các lời đối đáp của một cuộc đối thoại được biểu hiện bằng kết cấu” [2; 40]. Đối với tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI, *đối thoại giữa nông dân và thị dân* hầu như không hình thành những cuộc đối đáp, xung đột giữa các nhân vật mà thường là những tranh luận ngầm. Nó có thể là cách đi đứng, ăn mặc, lối nghĩ, lối sống... của con người. Nó là “đối thoại có tính chất tự thú” [2; 266]. Nếu đối thoại giữa quá khứ và hiện tại được hình thành dưới nhãn quan lịch sử, đối thoại giữa truyền thống và hiện đại hình thành dưới nhãn quan văn hóa thì đối thoại giữa nông dân và thị dân lại hình thành dưới nhãn quan xã hội học, về mối quan hệ giữa con người (nông dân) với con người (thị dân) và với chính mình. Đô thị hóa đã biến nông dân trở thành những con người “không trùng khít với chính mình” - những “thị dân nửa nông dân” tạo nên tính “hai mặt” trong đối thoại giữa nông dân và thị dân. Xuất phát điểm từ nền văn minh lúa nước, thế nên dù cả đời gắn với đô thị, mỗi thị dân vẫn luôn có một “nhà quê” ở trong tâm tưởng. Nó tạo nên hình hài, cách đi đứng, nói năng, lối nghĩ mà dẫu người nông dân có ngụp lặn, nổi trôi bất cứ đâu cũng không dễ mai một. Cả lão Quảng và lão Hoạt (*Cháy qua bóng tối*) trở thành thị dân khi xóm Bến được nhập vào phường nhưng luôn thấy mình không thuộc về cái thành phố mà mình đang sống. Họ đều chán cuộc sống phố phường chật hẹp bức bối đầy mảnh lối, thực dụng, lừa gạt nhau ngay cả với chính người thân trong gia đình, khác hẳn với cuộc sống sông nước tự do trong quá khứ. Không còn nghe tiếng

sóng sông dập dềnh khắc khoải hay những cơn gió dịu dàng thâm thì trong những khu vườn ngoài bãi... lão Quảng thấy như “vừa mất một cái gì ghê gớm lắm không thể tìm lại được” [7; 172]. Vũ Đình Cờ (*Gia phá của đất*) trở về làng sau nhiều năm ra phố làm một gã thị dân láu cá và mưu mẹo, mùi hương sen ngan ngát thoảng trong gió đồng khiến Cờ sững lại đưa Cờ trở về sống lại tuổi thơ một thời... Dấu vết người nông dân tưởng như đã hoàn toàn bị xóa sổ bởi con người đậm chất thị dân lâu nay giờ vẫn còn cựa quậy trong Cờ, đâu đó trong sâu thẳm con người Cờ cái hồn vía nhà quê vẫn còn. Trong thoáng chốc Cờ chợt nhận ra, dù mình “đã thuộc giai tầng khác, nhà lầu, xe máy, ăn sáng một tô phở bằng năm cân gạo, uống bia chơi với bạn bè cũng gần bằng tạ lúa. Vậy mà sao Cờ chẳng có lúc nào thanh thản” [12; 520]. Đứng trước người vợ cũ, ngôi nhà cũ, kẻ đã từng trốn chạy khỏi những cánh đồng như Cờ bỗng thấy lòng se thắt. Một niềm ân hận, chen lẫn xót xa dâng lên. Thành (*Ô rom*) dù bao năm sống trong căn biệt thự, mỗi bữa cơm như bữa tiệc nhưng không sao tìm được niềm vui, tìm được hạnh phúc. Cho đến khi mái tóc điểm bạc anh mới nhận ra, cái gốc của đời mình chính cái gốc đa xù xì “toàn những gốc to gốc nhỏ chằng chịt đan xen trong anh đã làm cho anh không sao biến thành người khác không phải là mình” [9; 526]. Nhúng mình vào môi trường thành thị, người nông dân trở nên tha hóa (trở thành cái khác). Từ đó dẫn tới trạng thái sống bất an, nửa chừng vừa toan tính thực dụng vừa hoài nhớ sâu thẳm những gì bình yên nhất của cánh đồng, chân đê, của dòng sông bên nước... Các nhà văn đã để nhân vật đối thoại về hai con người nông dân - thị dân trong chính mình và tự ý thức về mình. Sự thức tỉnh của nhân vật ở đây hoàn toàn là đối thoại khi nó đối diện với người khác, với chính mình để bộc lộ “con người trong con người với tư cách là con người đối với người khác cũng như đối với chính nó” [2; 257].

### 5. Thảo luận

Một tác phẩm văn học là một diễn ngôn, bởi vậy nó luôn tiềm chứa khả năng đối thoại. Và, phải khẳng định rằng, bất kỳ diễn ngôn nào, sự hiện diện của nó cũng nhằm hướng đến sự giao tiếp, đối thoại. Ngay khi tiếp cận một tác phẩm, bản thân diễn ngôn đó đã tạo lập các khả năng đối thoại với quá khứ – lịch sử, đối thoại văn hóa với các diễn ngôn trước đó, cùng thời, hé lộ những dự báo – vẫy gọi đối với tương lai. Tiểu thuyết là diễn ngôn, là đối thoại, là đa thanh. Với đề tài xoáy sâu vào những đối thoại đa chiều, bài viết khảo sát, nhận định, đánh giá hiện thực đời sống nông thôn từ quá khứ đến hiện tại, từ truyền thống đến hiện đại qua tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI. Bối cảnh xã hội mới đã tạo điều kiện cho sự đổi mới lối viết của tiểu thuyết, đặc biệt là tiểu thuyết về nông thôn bằng việc tăng cường tính đối thoại. Đúng như Nguyễn Đăng Điệp nhận định: đối thoại là “nguyên lý cơ bản của tiểu thuyết hiện đại... Nó quy định cách thức tổ chức tự sự, cách xây dựng nhân vật lưỡng diện, soi chiếu cùng lúc các quan điểm kẻ để bảo đảm tính dân chủ trong tự sự” [5; 35]. Các tác phẩm đã đưa người đọc bước chân vào một cuộc đối thoại lớn với rất nhiều tiếng nói. Không những thế, bản thân tác giả, các nhân vật, các sự kiện, các motif, thủ pháp trong tác phẩm,... cũng đặt người đọc vào tình thế buộc phải đối diện với những gì đã và đang diễn ra tạo nên sự đối thoại giữa các thế hệ trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể phản chiếu những chiều kích đối thoại lịch sử, văn hóa sinh động.



## 6. Kết luận

Có thể nói, tiểu thuyết về đề tài nông thôn đầu thế kỷ XXI là một cuộc đối thoại lớn trên nhiều bình diện. Các nhà văn đã chất vấn giá trị thông qua các chủ thể diễn ngôn đóng vai trò là người đối thoại, phản biện, đồng thời là người dự đoán, kiến tạo các bình diện giá trị của lịch sử, văn hóa, đạo đức nông thôn. Ở đó, chúng ta nhận ra, có những giá trị cần phải trân trọng, gìn giữ, phát huy, có những điều phải nhìn nhận lại và cả những hiểm họa mà chúng ta đang là nạn nhân đồng thời cũng là tội nhân. Đó là đối thoại mang đậm giá trị nhân sinh. Do vậy, nếu coi lối viết là một ý thức lựa chọn của nhà văn đối với thực tại mà anh ta chiếm lĩnh để sáng tạo nghệ thuật, thì ở đây lối viết còn là ý thức đối thoại của nhà văn với các quan niệm, tư tưởng khác mình. Sự lựa chọn và đối thoại như thế không chỉ thể hiện thái độ nhà văn, mà còn hàm chứa, phản chiếu tâm lý thời đại, sự quy chiếu của thời đại lên tác phẩm văn học. Bằng sự giao thoa, cộng hưởng hay là sự xen lẫn của các cuộc đối thoại hoặc là công khai hoặc là đối thoại nội tâm, tiểu thuyết về đề tài nông thôn Việt Nam đầu thế kỷ XXI đã dẫn dắt người đọc đi từ chủ đề này đến chủ đề khác, bằng nhiều tiếng nói khác nhau, nhưng đầy gai góc về thực tại nhứt nhối của nông thôn trải qua các thời kỳ lịch sử của đất nước. Việc tăng cường tính đối thoại mang đến cho tiểu thuyết viết về nông thôn đầu thế kỷ XXI tính đa thanh đáp ứng yêu cầu đổi mới trong tư duy thẩm mỹ của văn học đương đại.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. M.Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch và giới thiệu), Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
- [2]. M.Bakhtin (1998), *Những vấn đề thi pháp Đôtôiepxki*, Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thanh Cải (2013), *Cổng làng*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4]. Trương Đăng Dung (2018), *Phản ánh nghệ thuật trong mỹ học của Lukács Gyorgy*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Đăng Điệp (2012), “Tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh một diễn ngôn về lịch sử, văn hóa”, Tạp chí *Nghiên cứu văn học* (10), tr.32 - 44.
- [6]. Dương Hương, (2007), *Dưới chín tầng trời*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [7]. Đỗ Phấn (2011), *Chảy qua bóng tối*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Trịnh Thanh Phong (2002), *Ma làng*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [9]. Trần Quốc Tiến (2002), *Ở rom*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [10]. Đỗ Minh Tuấn (2009), *Thần thánh và bướm bướm*, NXB Văn học, Hà Nội
- [11]. Vân Thảo (2010), *Bí thư tỉnh ủy*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [12]. Hoàng Minh Tường (2013), *Gia phả của đất*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [13]. Đào Thắng (2004), *Dòng sông Mía*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHỮNG ĐỐI THOẠI ĐA CHIỀU TRONG TIỂU THUYẾT VỀ ĐỀ TÀI NÔNG THÔN ĐẦU THẾ KỶ XXI

**Hoàng Thị Kim Oanh<sup>a</sup>**

**Hoàng Thị Thanh Bình<sup>b</sup>**

<sup>a</sup>Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [hoangthikimoanh@dvttdt.edu.vn](mailto:hoangthikimoanh@dvttdt.edu.vn)

<sup>b</sup>Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [hoangthithanhbinh@dvttdt.edu.vn](mailto:hoangthithanhbinh@dvttdt.edu.vn)

Ngày nhận bài: 22/02/2023

Ngày phản biện: 25/02/2023

Ngày tác giả sửa: 14/03/2023

Ngày duyệt đăng: 24/05/2023

Ngày phát hành: 31/05/2023

*Công cuộc đổi mới sau 1986 đã thay đổi đời sống văn chương Việt Nam từ tư duy nghệ thuật, quan điểm về đạo đức, thẩm mỹ, nhân sinh đến lối viết. Hiện thực cuộc sống mới nhiều biến chuyển phức tạp, sinh động và đa thanh là tiền đề để tiểu thuyết viết về đề tài nông thôn Việt Nam đầu thế kỷ XXI gia tăng tính đối thoại. Nhân vật có thể tranh luận, đáp trả với nhà văn và nhà văn được đặt vào trường đàm thoại, trao đổi với độc giả. Từ đây, các cuộc trò chuyện giữa quá khứ với hiện tại; giữa chính trị, triết học, tôn giáo, văn hóa, đạo đức... có thể cất lời trong cùng một cuộc thảo luận, tạo nên những đối thoại đa chiều.*

**Từ khóa:** Đối thoại; Tiểu thuyết; Nông thôn; Đầu thế kỷ XXI.